

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

--- *** ---

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14/3/2023

“V/v: tranh chấp hôn nhân và gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hán**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Y Míp Niê**

2. Bà **Nguyễn Thị Chinh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Mậu Tuấn**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng:

Bà **Lê Trinh Xuân Trang** – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – có mặt.

Trú tại: Thôn H, xã E, huyện Krông Năng, Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh **Phạm Sinh L** – vắng mặt.

Trú tại: 104 Lê Thánh T, thị trấn K, huyện Krông Năng, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T và anh Phạm Sinh L sống chung với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tân, huyện Krông Năng. Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Gia H (sinh ngày 16/12/2014) và cháu Phạm Nguyễn Gia N (sinh ngày 25/8/2016).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng từ năm 2019 đến nay cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, chị T không thể sống chung với anh L được nữa nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Nguyên vọng của chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Nguyễn Gia H và Giao cháu Phạm Nguyễn Gia N cho anh Lương trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Sinh L trình bày: Anh L và chị T sống chung với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Tân, huyện Krông Năng. Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 02 con chung như chị T đã trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng, anh L xác định sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc nhưng từ năm 2019 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh L đồng ý, đề nghị Tòa án cho anh và chị T thuận tình ly hôn.

Về con chung, anh L đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Nguyễn Gia N và giao cháu Phạm Nguyễn Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Sinh L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh L. Về con chung, giao cháu Phạm Nguyễn Gia H cho chị Thúy trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Nguyễn Gia N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Sinh L sống chung với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2014 tại UBND xã Ea Tân, huyện Krông Năng. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp thỏa mãn với Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Quá trình chung sống, theo chị T và anh L khai thì từ năm 2019 đến nay mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi vã nhau, không thể dung hòa được nữa nên anh L và chị T đều đề nghị Tòa án cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[3] Tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm và không thể sống chung với anh L được nữa nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh L. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có nín kéo cũng không thể hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh L.

[4] Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Nguyễn Gia N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Sinh L.

* **Về con chung:** Giao cháu Phạm Nguyễn Gia H (sinh ngày 16/12/2014) cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu Phạm Nguyễn Gia N (sinh ngày 25/8/2016) cho anh Phạm Sinh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L và chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

* **Về tài sản chung:** Chị T không yêu cầu giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số 0009266 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục T.H.A DS huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- UBND xã Ea Tân, H. Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hán